

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 8 đến 14/1/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-20mm, có nơi trên 50mm như Bắc Quang 78.1mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 37%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước. Tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN là 51%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 53%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 29%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế thấp so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 5%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy ở hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 15%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: 0-20mm, có nơi trên 30 như Ngân Sơn (Thái Nguyên) 46.2mm.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 309%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 270%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 38%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 0-30mm, phía Nam phổ biến 50-80mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 44%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 30%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 24%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 33%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 207%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 0-5mm; Phía Nam phổ biến 10-30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 34%, sông Cả tại

trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 25%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diêm thấp hơn khoảng 54%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 252%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-100mm, có nơi trên 150mm như Cam Ranh (Khánh Hòa) 196.1mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn 19% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 39%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông có vài đợt dao động và biến đổi theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 10%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 58%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 2%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 27% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 81%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-30mm, có nơi trên 30mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 42%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 55%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 58% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn so với TBNN 10%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 0-20mm.

-Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy đến các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần và đều ở mức thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 61%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 13%.
+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 0-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk tiếp tục biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 58%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 14%.
+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 39% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 16% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/1/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/01/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	16	>28	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Sơn La	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hòa Bình	17,7	>212	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lào Cai	4,8	<44	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Yên Bái	14,8	>99	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Tuyên Quang	13,7	>141	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hà Giang	33,5	>220	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Láng	1,5	<79	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Thái Bình	0,6	<90	0	0	0	0	0	0	0,4	0,4	<92
	Nam Định	1,1	<84	0	0	0	0	0	0	0,2	0,2	<96
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	12,5	>134	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Thái Nguyên	1,5	<70	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Bắc Ninh	0,2	<95	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lạng Sơn	1,5	<78	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Bắc Giang	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hải Dương	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	1,6	<50	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Bái Thượng	17,1	>190	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Thanh Hóa	1	<75	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Quỳ Châu	25,9	>235	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Cửa Rào	4	>38	0	0	0	0	0,1	0	0	0,1	<96
	Đô Lương	26,5	>259	0	0	0	0	0,1	0	0	0,1	<98

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	14,5	<33	0,1	0	0	0,1	0,3	0,2	0	0,7	<96
	Hương Sơn	6,5	<43	0	0	0	0	0,1	0	0	0,1	<99
	Hương Khê	20,1	>113	0,2	0	0,1	0	0	0,8	0	1,1	<90
	Hà Tĩnh	22,6	>1	0,2	0,1	0	0,1	0,1	0,7	0	1,2	<95
	Đồng Hới	55	>217	0,2	0	0,2	0,1	0	0,3	0,2	1	<94
	Quảng Trị	14,8	<40	0	0,2	0,9	3	1,7	0,9	0,2	6,9	<55
	Nam Đông	36,2	>41	3,2	0,4	0,9	5,1	1,9	1	0	12,5	<62
	Huế	80,5	>98	16,3	0,1	1,1	8,5	0,8	0,2	0	27	<11
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	71,1	>182	0	0,1	3,6	1,8	0,8	0,7	1	8	<60
	Trà My	24	<54	13,5	0	8,7	6	0,5	0,3	0,1	29,1	<24
	Ba Tơ	16,3	<61	0,9	0,3	1,1	28,9	0,4	0,2	0,3	32,1	<23
	Quảng Ngãi	18	<43	0,4	0,3	1,8	4	0	0,2	0,1	6,8	<77
	Quy Nhơn	11,3	<37	2,5	0,3	0,1	2,4	0,2	0	0,6	6,1	<60
	An Khê	2,7	<69	0,2	0	0,1	0,4	0	0	0,1	0,8	<87
	Tuy Hòa	0,2	<99	1	0,6	0	1,3	0	0	0,5	3,4	<75
	Nha Trang	113,3	>878	0,4	0,1	0,1	0,1	0,1	0	0	0,8	<92
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lắk	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Buôn Mê Thuật	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Biên Hòa	0	<100	0	0	0	0	0	0,2	0	0,2	<96
	Cần Thơ	17,7	>355	0	0	0	0	0	0,4	0,4	0,8	<42

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/01/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	13/01	14/01	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	39	<73	6	6	5,5	5,5	5	5,0	5	32	<81
Lô	Tuyên Quang	101,8	<37	17	16	17	16	15	14,0	15	110	<29
Đà	Hồ Hòa Bình	522,7	>51	71	69	67	62	60	59,0	59	445	>5
Hồng	Hà Nội	867	>53	111	107	102	97	93	97,0	116	724	>15
Cầu	Gia Bảy	50,2	>309	9,95	9,1	7,8	6,57	5,48	4,5	4,13	47,5	>270
Lục Nam	Chũ	3,6	>48	0,5	0,5	0,5	0,49	0,49	0,5	0,45	3,41	>38
Mã	Cẩm Thủy	135,4	> 44	17,5	17,7	17,9	17,53	17,88	18,8	17,9	125,1	> 34
Cả	Yên Thượng	192,9	> 30	25,2	25,5	25,8	25,23	25,75	27,0	25,8	180,2	> 25
La	Hòa Duyệt	61,1	> 33	6,1	6,2	6,2	6,1	6,22	6,5	6,22	43,5	~ TBNN
Tả Trách	Thượng Nhật	37,1	> 207	4	3,7	3,6	3,5	3,3	3,2	2,9	24,2	> 252
Thu Bồn	Nông Sơn	375	> 19	37	36,7	36,3	35,6	35	34,6	33,4	248,6	> 42
Trà Khúc	Sơn Giang	288,6	> 39	29,2	28,1	27,5	25,2	24,2	23,8	22,3	180,3	> 55
Ba	Củng Sơn	65,9	<58	12,96	12,1	8,6	7,78	9,5	10,4	11,23	72,6	<25
Cái N,T	Đồng Trăng	42,8	<2	5,62	5,62	5,5	5,44	5,4	5,3	5,18	38,02	>10
ĐăkBlá	KonTum	17,1	< 61	2	2,33	2,3	2,45	2,5	2,4	2,42	16,7	< 58
Srêpôk	Giang Sơn	66,1	> 13	8,2	7,8	7,5	7,23	6,8	6,5	6,13	50,2	> 14
Tiền	Tân Châu			862	840	812	778	758	732	689	5471	>39
Hậu	Châu Đốc			123	119	113	106	98	93,0	87	737	>16